

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của
Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 329/TB-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Duy Đông tại Phiên họp UBND tỉnh chuyên đề (lần 3) về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ tại Tờ trình số 790/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2025 (được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 1543/BC-STP ngày 17 tháng 10 năm 2025);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 11 năm 2025.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định chi tiết nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII, Trưởng Thuế tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo PTDS Quốc gia;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và MT;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, NN8(HQ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Công Sứ

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 về nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là *Quy*).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ

Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì đối tượng được hỗ trợ chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Chương II QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 4. Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán:

Căn cứ nguồn Quỹ được phân bổ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ đảm bảo phù hợp với thực tế và khả năng cân đối Quỹ của địa phương; trường hợp vượt quá khả năng của địa phương thì báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên hỗ trợ;

Mức hỗ trợ 110.000 đồng/người/ngày (trong đó bao gồm thuốc y tế 50.000 đồng/người/ngày; nước uống 20.000 đồng/người/ngày và thực phẩm thiết yếu 40.000 đồng/người/ngày).

b) Huy động lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai và các lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai khác:

Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ 135.000 đồng/người/ngày; trường hợp huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau được hưởng mức hỗ trợ gấp đôi (Mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều);

Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

c) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 42 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng thủ dân sự.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Mức hỗ trợ là 15 kg gạo/người/tháng, thời gian cứu trợ không quá 3 tháng (Vận dụng theo mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/đợt thiên tai (trong đó hỗ trợ: nước uống 50.000 đồng/người/đợt; thuốc chữa bệnh 50.000 đồng/người/đợt; sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác 100.000 đồng/người/đợt).

c) Hỗ trợ tu sửa nhà ở: Chỉ tính nhà ở chính và áp dụng với các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Hỗ trợ nhà bị đổ, sập, trôi, hư hỏng, thiệt hại hoàn toàn hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/nhà/hộ (Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ);

Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng, thiệt hại từ 50 % đến 70%): Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/nhà/hộ;

Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (*bị hư hỏng, thiệt hại từ 30% đến dưới 50%*): Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà/hộ;

Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại một phần (*bị hư hỏng, thiệt hại dưới 30%*): Mức hỗ trợ 50% mức thiệt hại nhưng không quá 10.000.000 đồng/nhà/hộ.

d) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 200.000.000 đồng cho 01 công trình.

đ) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế; mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/xã, phường.

e) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Điều kiện, trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

g) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ; nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng cho 01 công trình hoặc hạng mục công trình.

h) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn tỉnh bị sụt trượt, sạt lở (trừ Quốc lộ): Mức hỗ trợ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, nhưng tối đa không quá 1.000.000.000 đồng cho 01 công trình.

i) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000.000 đồng trong tổng mức đầu tư của 01 công trình.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

b) Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định và khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3

năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*Mức hỗ trợ áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030*).

d) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

đ) Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, nhưng mức hỗ trợ tối đa đối với diễn tập cấp xã không quá 200.000.000 đồng/cuộc (*từ nguồn Quỹ của xã được trích lại*), diễn tập cấp tỉnh không quá 1.000.000.000 đồng/cuộc (*từ nguồn Quỹ của tỉnh*).

e) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và khả năng cân đối của Quỹ.

f) Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thù lao cho lực lượng tuần tra, canh gác đê trong mùa lũ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và khả năng cân đối của Quỹ.

g) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

Đối với hỗ trợ quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai hàng năm phục vụ công tác chống thiên tai trên địa bàn tỉnh: Trên cơ sở đề xuất và dự toán của cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động trong lĩnh vực khí tượng thủy văn và ý kiến thống nhất của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của tỉnh.

h) Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và khả năng cân đối của Quỹ và các quy định hiện hành.

Điều 5. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu trên địa bàn để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

Hỗ trợ 5% chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ; hỗ trợ 3% chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ. Nội dung chi và mức chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định hiện hành, nhưng phải đảm bảo công khai, minh bạch.

Hỗ trợ 20% chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 4 Quy định này.

b) Số tiền thu Quỹ còn lại tại cấp xã (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ tỉnh.

c) Hỗ trợ đối với các xã khu vực III (xã được miễn đóng góp Quỹ): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP đề chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 4 Quy định này trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã; mức phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực III bằng số tiền của cấp xã được phân bổ thấp nhất nhưng tối thiểu không dưới 3 triệu đồng/xã.

2. Sau khi cấp xã có báo cáo quyết toán kinh phí hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản đã phân bổ nếu còn dư; trường hợp khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí còn dư để thực hiện.

Điều 6. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh

1. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ tỉnh; chi cho các nội dung sau:

a) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các cán bộ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan quản lý Quỹ; mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi phí quản lý, điều hành và chi hành chính phát sinh của Quỹ. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ lập dự toán chi tiết cho các nội dung

chi, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cùng với Kế hoạch thu Quỹ hàng năm.

Điều 7. Thẩm quyền chi

1. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí được phân bổ tại Điều 5 Quy định này bao gồm: Quyết định chi hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; quyết định chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến thống nhất của UBND tỉnh; thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ phòng, chống thiên tai Trung ương hoặc quyết định điều chuyển cho Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác.

Điều 8. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Các địa phương, đơn vị được phân bổ, hỗ trợ, tạm ứng kinh phí chịu trách nhiệm: Quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, gửi báo cáo quyết toán thu, chi về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh để tổng hợp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Giao cơ quan chuyên môn tổng hợp, lập và thẩm định quyết toán thu, chi Quỹ trong năm trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và gửi Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 3 năm sau. Thực hiện quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

3. Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh có trách nhiệm

a) Tổng hợp, báo cáo quyết toán Quỹ năm trước của cấp xã và các cơ quan, đơn vị theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết toán vào quý II năm sau.

b) Báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

c) Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ kế toán.

Điều 9. Thanh tra, kiểm toán

1. Quỹ của tỉnh chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ kế hoạch thu, chi quỹ đã được phê duyệt hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ hiệu quả. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện quy định này.

b) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ với Sở Tài chính và cơ quan quản lý Quỹ Trung ương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

d) Tổng hợp các ý kiến về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải trình với Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ của Cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực. Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch, thu, nộp, quản lý, báo cáo, quyết toán Quỹ trên địa bàn quản lý theo quy định. Thực hiện tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về việc thành lập và quản lý Quỹ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quy định này tới các tổ chức, cá nhân và người dân tại địa phương.

b) Sử dụng kinh phí được phân bổ, hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng; thực hiện công khai danh sách, đối tượng, mức hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh, Cổng thông tin điện tử xã và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.